

Bản án số: 11 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh

Ông Nguyễn Sao Hôm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 334/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Cẩm T, sinh năm 1996

ĐKKHKT: thôn C xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

2. *Bị đơn:* anh Dương Văn N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Dương Văn N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015 tại UBND xã V (nay là xã T), huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp,

khác biệt nhau trong cách suy nghĩ và quan điểm sống dẫn đến thường xuyên va chạm. vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N có 01 con chung là cháu Dương Minh K, sinh 07/02/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Dương Văn N nhiều lần đến Tòa án làm việc, anh N vắng mặt không có lý do, Tòa án không lấy được lời khai của anh N về yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 20/3/2025, ông Bùi Văn T1 trình bày:

Ông là bố đẻ của chị T. Anh N là con rể. Ông xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh N. Về con chung: Nếu chị T được nuôi cháu K, gia đình ông sẽ hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu K trưởng thành tốt.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/12/2024, ông Dương Văn Đ, bà Vũ Thị B trình bày:

Hai ông bà là vợ chồng. Anh N là con trai, chị T là con dâu ông bà. Anh N và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh N, chị T sinh sống cùng với ông bà. Quá trình chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2018, anh N, chị T phát sinh mâu thuẫn do anh N mãi chơi, sa đà vào tệ nạn xã hội dẫn đến vay nợ nhiều phải bỏ nhà đi, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không quan tâm đến vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2024, chị T đưa con về quê ở Nam Định sinh sống. Anh Tú, chị N sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, ông bà không muốn, tuy nhiên đây là việc riêng của anh N và chị T, ông bà không can thiệp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh N có 01 con chung là cháu Dương Minh K, hiện đang ở cùng chị T. Nếu phải ly hôn ông bà đề nghị giao con chung cho chị T là thuận lợi nhất vì cháu K muốn ở cùng mẹ. Hiện nay anh N không có nhà, Tòa án đã giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh N, vợ chồng ông bà có thông báo cho anh N. Anh N cho rằng không đảm

bảo được cuộc sống cho mẹ con chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn để chị T ổn định cuộc sống.

Tại Biên bản ghi lời khai của cháu Dương Minh K ngày 12/02/2025: cháu là con mẹ T, bố N, hiện cháu đang học lớp 2A3 trường Tiểu học Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, cháu được biết mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn với bố cháu tại Tòa án. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ cháu rất thương và chăm lo cho cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/4/2025, UBND xã T (thông qua trưởng thôn C) cung cấp: Anh N là người có hộ khẩu và cư trú tại địa phương. Tuy nhiên một vài năm gần đây, anh N đi đâu, làm gì và ở đâu thì địa phương không nắm được. Thỉnh thoảng anh N có về nhà và có mặt ở địa phương. Về mâu thuẫn, về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên giữa chị T và anh N cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Hiện chị T cũng không sinh sống tại địa phương.

Tại công văn số 953 ngày 02/4/2025 của Phòng xuất nhập cảnh, Công an tỉnh H xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Dương Văn N

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định theo Giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm T, xử cho chị T được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Dương Minh K, sinh ngày 07/02/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228, 236 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh N có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm, nguyên nhân do tính tình không hợp, khác biệt nhau trong cách suy nghĩ và quan điểm sống dẫn đến thường xuyên va chạm. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai người làm chứng và xác nhận của UBND xã T. Mặt khác, thông qua ông Dương Văn Đ, bà Vũ Thị B (là bố mẹ đẻ của anh N), anh N có quan điểm đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T, để chị T ổn định cuộc sống. Như vậy, mâu thuẫn của chị T, anh N đã thực sự trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình xử cho chị Bùi Thị Cẩm T được ly hôn với anh Dương Văn N là phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh N có một con chung là Dương Minh K, sinh ngày 07/02/2017 hiện nay đang ở với chị T. Chị T đề nghị tiếp tục nuôi cháu K, tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét điều kiện hoàn cảnh của chị T thì thấy rằng: Chị T là nhân viên văn phòng, mức thu nhập ổn định 10.000.000 đồng/tháng. Chị T đang ở với bố mẹ đẻ. Bố đẻ chị T có quan điểm nếu chị T được nuôi con, bố mẹ đẻ chị T sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi dạy cháu K. Mặt khác, cháu K có nguyện vọng xin được ở với mẹ, nên giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Sự tự nguyện của chị T không trái pháp luật và đạo đức xã hội được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228, Điều 236, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Cẩm T được ly hôn với anh Dương Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Dương Minh K, sinh ngày 07/02/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006522 ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

5. Quyền kháng cáo: Chị T, anh N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Mạc Duy Phú
(đã ký)**